

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG TRỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2463/KH-UBND

Quảng Trị, ngày 26 tháng 5 năm 2026

## KẾ HOẠCH

**Triển khai thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 03/4/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về đột phá chuyển đổi số gắn với cải cách hành chính tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2026-2030**

*Căn cứ Quyết định số 282/QĐ-TTg ngày 12/02/2026 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước trọng tâm giai đoạn 2026-2030;*

*Căn cứ Quyết định số 2629/QĐ-TTg ngày 01/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình phát triển Chính phủ số;*

*Căn cứ Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 03/4/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Trị về đột phá chuyển đổi số gắn với cải cách hành chính tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2026-2030.*

UBND tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 03/4/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về đột phá chuyển đổi số gắn với cải cách hành chính tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2026-2030 với các nội dung sau:

### I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

#### 1. Mục đích

Cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp tại Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 03/4/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh; tạo sự thống nhất trong nhận thức và hành động của các cấp, các ngành về tầm quan trọng của việc chuyển đổi số gắn với cải cách hành chính đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh giai đoạn 2026-2030.

Xác định chuyển đổi số là động lực, là phương thức đột phá để hiện đại hóa nền hành chính; đổi mới căn bản, toàn diện phương thức lãnh đạo, quản lý, điều hành của bộ máy chính quyền các cấp theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và minh bạch.

Nâng cao chất lượng phục vụ và mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp; tạo môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, góp phần cải thiện tích cực các chỉ số đánh giá về chuyển đổi số (DTI), cải cách hành chính (PAR Index) của tỉnh trong giai đoạn 2026-2030.

## 2. Yêu cầu

Việc triển khai phải bám sát quan điểm chỉ đạo của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh tại Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 03/4/2026; đảm bảo tính kế thừa, đồng bộ, không chồng chéo và phù hợp với thực tiễn tại các cơ quan, đơn vị, địa phương.

Thực hiện nghiêm túc phương châm “6 rõ”: Rõ việc, rõ thẩm quyền, rõ trách nhiệm, rõ thời gian, rõ nguồn lực và rõ kết quả. Mỗi nhiệm vụ phải gắn với trách nhiệm của người đứng đầu; coi kết quả chuyển đổi số và cải cách hành chính (CCHC) là tiêu chí quan trọng để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cán bộ, công chức hằng năm.

Đảm bảo tuyệt đối an toàn, an ninh mạng trong quá trình chuyển đổi số; các nền tảng số phải được vận hành thông suốt, dữ liệu phải được làm sạch, kết nối và chia sẻ dùng chung giữa các cấp chính quyền.

## II. MỤC TIÊU CỤ THỂ

### 1. Giai đoạn 2026-2027

#### a) Về dịch vụ công và thủ tục hành chính:

- 100% thủ tục hành chính (TTHC) có đủ điều kiện được cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; tỷ lệ cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử đạt 100%.

- Tỷ lệ người dân, doanh nghiệp đánh giá hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến đạt 95%.

#### b) Về vận hành chính quyền số:

- 100% hồ sơ công việc tại cấp tỉnh, cấp xã được xử lý trên môi trường điện tử (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước) và sử dụng chữ ký số cá nhân để giải quyết công việc.

- 100% chế độ báo cáo của các cơ quan được thực hiện trên Hệ thống thông tin báo cáo.

- 100% sở, ngành, địa phương đạt cấp độ 3 mức độ trưởng thành về quản trị dữ liệu.

#### c) Về tổ chức bộ máy và nhân lực:

- Tỷ lệ cán bộ, công chức được bồi dưỡng kỹ năng số căn bản: Cấp xã đạt  $\geq 80\%$ ; cấp tỉnh đạt 100%.

### 2. Giai đoạn 2028-2030

#### a) Về dịch vụ công và TTHC đột phá:

- Tỷ lệ người dân, doanh nghiệp đánh giá hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến đạt 99%.

- 50% dịch vụ công trực tuyến thiết yếu được triển khai ở mức chủ động, được AI hỗ trợ “cá thể hóa”, thông báo hoặc gợi ý hành động theo các mốc sự kiện quan trọng trong cuộc đời.

- Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu đã được số hóa trong giải quyết TTHC, dịch vụ công đạt 90%.

- Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia trên tổng số giao dịch đạt 80%.

- Mức độ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết TTHC nói chung đạt  $\geq 95\%$  (lĩnh vực đất đai, xây dựng, đầu tư đạt  $\geq 90\%$ ).

- Chỉ số Cải cách hành chính của tỉnh (PAR Index) đạt mức Tốt (chỉ số đạt từ 80% đến 90%), phấn đấu đạt trên mức bình quân của cả nước. Chỉ số hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) đạt  $\geq 95\%$ .

b) Về vận hành chính quyền số và dữ liệu:

- Chỉ số Chuyển đổi số cấp tỉnh (DTI) đạt  $\geq 0,75$ ; đưa xếp hạng về phát triển Chính quyền số của tỉnh vào Top 20 cả nước.

- 100% sở, ngành, địa phương đạt cấp độ 4 mức độ trưởng thành về quản trị dữ liệu; 100% cơ quan cung cấp dữ liệu mở đúng chuẩn.

- 100% cơ quan, tổ chức sử dụng ít nhất 01 ứng dụng AI để phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành.

c) Về tổ chức bộ máy và nguồn lực:

- 25% đội ngũ lãnh đạo của từng cơ quan, tổ chức có chuyên môn, kinh nghiệm về khoa học, kỹ thuật, chuyển đổi số phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ.

- 100% cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin, chuyển đổi số của cơ quan, đơn vị, địa phương được đào tạo đạt chứng chỉ quản trị dữ liệu cơ bản.

- 100% cơ quan, đơn vị, địa phương bố trí công chức, viên chức chuyên trách về công nghệ thông tin, chuyển đổi số.

- 100% cán bộ, công chức, viên chức đạt chuẩn về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị; có trình độ ngoại ngữ, tin học phù hợp với vị trí việc làm và tiêu chuẩn chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý.

- Bố trí ít nhất 3% tổng chi ngân sách hàng năm của tỉnh cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

### III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM

#### 1. Đột phá về thể chế và môi trường pháp lý số

a) Rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, đặc biệt trong các lĩnh vực: chuyên đổi số, đầu tư, mua sắm công, ngân sách, tài sản công, sở hữu trí tuệ, thuế... để tháo gỡ các điểm nghẽn, rào cản, giải phóng nguồn lực.

- Đơn vị chủ trì: Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND cấp xã;

- Đơn vị phối hợp: Sở Tư pháp;

- Thời gian hoàn thành: Hằng năm (theo lộ trình rà soát văn bản).

b) Tham mưu ban hành các chính sách ưu đãi, hỗ trợ doanh nghiệp theo hướng: đơn giản hóa tối đa hồ sơ; tăng định mức hỗ trợ phù hợp với thực tế và khả năng cân đối ngân sách.

- Đơn vị chủ trì: Sở Tài chính;

- Đơn vị phối hợp: Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND cấp xã;

- Thời gian hoàn thành: Quý I/2027.

c) Nâng cao chất lượng công tác tham mưu xây dựng văn bản quy phạm pháp luật theo hướng chặt chẽ, hiện đại gắn với chuyên đổi số; kiểm soát chặt chẽ, kiên quyết cắt giảm điều kiện kinh doanh trái thẩm quyền.

- Đơn vị chủ trì: Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND cấp xã;

- Đơn vị phối hợp, đôn đốc: Sở Tư pháp;

- Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

d) Tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật và năng lực phản ứng chính sách. Duy trì Hệ thống thông tin tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về văn bản quy phạm pháp luật đảm bảo hiệu quả.

- Đơn vị chủ trì: Sở Tư pháp;

- Đơn vị phối hợp: Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND cấp xã;

- Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

đ) Triển khai các công cụ số để theo dõi, đánh giá tình hình thi hành pháp luật hằng năm, đảm bảo tính kịp thời và chính xác trong việc giải quyết khó khăn cho người dân, doanh nghiệp.

- Đơn vị chủ trì: Sở Tư pháp.

- Đơn vị phối hợp: Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND cấp xã.

- Thời gian thực hiện: Sau khi có văn bản hướng dẫn và triển khai của các Bộ, ngành trung ương.

e) Đa dạng hóa các hoạt động truyền thông chính sách trên nền tảng số (mạng xã hội, công/trang thông tin điện tử); đảm bảo các quy định mới được tiếp cận nhanh chóng, dễ hiểu đến mọi tầng lớp Nhân dân.

- Đơn vị chủ trì: Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND cấp xã;

- Đơn vị định hướng kỹ thuật: Sở Khoa học và Công nghệ;

- Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

## 2. Đột phá về tổ chức bộ máy và chất lượng nguồn nhân lực số

a) Tiếp tục rà soát, sắp xếp tổ chức bộ máy các cơ quan hành chính nhà nước tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; bảo đảm vận hành thông suốt mô hình chính quyền địa phương 2 cấp (tỉnh và xã). Tập trung triển khai quyết liệt việc sắp xếp, cơ cấu lại các đơn vị sự nghiệp công lập, trọng tâm là lĩnh vực y tế và giáo dục theo định hướng của Chính phủ.

- Đơn vị chủ trì: Sở Nội vụ;

- Đơn vị phối hợp: Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND cấp xã;

- Thời gian thực hiện: Theo lộ trình sắp xếp đơn vị sự nghiệp của tỉnh giai đoạn 2026-2030.

b) Rà soát, xây dựng kế hoạch tuyển dụng, bố trí đội ngũ công chức, viên chức có trình độ chuyên môn về công nghệ thông tin, chuyển đổi số tại 100% các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp và UBND cấp xã. Triển khai thực hiện đầy đủ cơ chế, chính sách thu hút nhân tài trong lĩnh vực chuyển đổi số để xây dựng, phát triển đội ngũ chuyên gia giỏi làm việc tại tỉnh.

- Đơn vị chủ trì: Sở Nội vụ;

- Đơn vị phối hợp: Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND cấp xã;

- Thời gian hoàn thành: Đến hết năm 2030.

c) Đổi mới phương pháp theo dõi, đánh giá kết quả CCHC và kết quả thực thi công vụ hàng năm dựa trên dữ liệu số (xử lý văn bản, tỷ lệ hồ sơ trực tuyến, tiến độ hoàn thành nhiệm vụ giao...). Đảm bảo việc đánh giá, xếp loại chất lượng công chức, viên chức khách quan, chính xác, làm cơ sở thực hiện công tác thi đua - khen thưởng; kiên quyết loại bỏ bệnh thành tích, nể nang trong đánh giá, xếp loại.

- Đơn vị chủ trì: Sở Nội vụ;

- Đơn vị phối hợp: Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã;

- Thời gian thực hiện: Thường xuyên (áp dụng đánh giá định kỳ hằng quý, hằng năm).

### 3. Đột phá cải cách thủ tục hành chính và dịch vụ công thông minh

a) Xây dựng phương án, tổ chức thực hiện cắt giảm 30% thời gian giải quyết TTHC so với quy định hiện hành. Triển khai thực hiện tiếp nhận thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và cấp xã.

- Đơn vị chủ trì: Văn phòng UBND tỉnh (Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh);

- Đơn vị phối hợp: Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND cấp xã;

- Thời gian hoàn thành: Ban hành phương án cắt giảm trong Quý III/2026; vận hành tiếp nhận không phụ thuộc địa giới hành chính từ năm 2027.

b) Nâng cấp, hoàn thiện Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh đáp ứng yêu cầu kết nối liên thông, đồng bộ dữ liệu với Cổng Dịch vụ công quốc gia và các hệ thống của Trung ương, đảm bảo người dân không phải khai báo lại thông tin đã có.

- Đơn vị chủ trì: Văn phòng UBND tỉnh (Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh);

- Đơn vị phối hợp: Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND cấp xã;

- Thời gian hoàn thành: Thường xuyên, các năm 2026-2030.

c) Triển khai Đề án ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) vào thực hiện TTHC và ứng dụng phần mềm đăng ký hẹn giờ thực hiện TTHC trên Trang thông tin điện tử của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và Trang thông tin điện tử cấp xã. Triển khai thí điểm mô hình “Trạm số hóa” và trang cấp hệ thống Kiosk toàn trình tại Trung tâm Phục vụ hành chính công các cấp để hỗ trợ tối đa cho cán bộ, người dân và doanh nghiệp.

Triển khai dịch vụ tin nhắn (SMS Brandname) phục vụ thông báo, tra cứu và hỗ trợ giải quyết TTHC tỉnh Quảng Trị.

- Đơn vị chủ trì: Văn phòng UBND tỉnh (Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh);

- Đơn vị phối hợp: Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND cấp xã;

- Thời gian hoàn thành: Các năm 2026-2027.

d) Thực hiện cơ chế giao doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích đảm nhận một số công việc trong quá trình hướng dẫn, tiếp nhận, số hóa hồ sơ và trả kết quả TTHC nhằm giảm tải cho cơ quan hành chính.

- Đơn vị chủ trì: Văn phòng UBND tỉnh (Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh);

- Đơn vị phối hợp: Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND cấp xã;

- Thời gian thực hiện: Bắt đầu triển khai từ Quý I/2026.

4. Đột phá xây dựng chính quyền số, quản trị điều hành dựa trên dữ liệu

a) Nâng cấp hạ tầng, dịch vụ cơ bản tại Trung tâm dữ liệu điện tử tỉnh; hoàn thiện Trung tâm giám sát, điều hành thông minh tỉnh phục vụ chỉ đạo điều hành.

- Đơn vị chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ;

- Đơn vị phối hợp: Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND cấp xã;

- Thời gian hoàn thành: Các năm 2026-2027.

b) Triển khai Hệ thống tra cứu văn bản đi/đến tập trung cho các cơ quan, địa phương trong toàn tỉnh (bao gồm cả dữ liệu lịch sử trước khi sáp nhập) để đảm bảo tính liên tục của nền hành chính. quý II năm 2026

- Đơn vị chủ trì: Văn phòng UBND tỉnh (Trung tâm Điều hành thông tin tỉnh)

- Đơn vị phối hợp: Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND cấp xã;

- Thời gian hoàn thành: Năm 2026.

c) Nâng cao chất lượng chuyên trang Cải cách hành chính trên Cổng thông tin điện tử tỉnh nhằm minh bạch hóa thông tin, cơ chế chính sách và nâng cao hiệu quả tiếp nhận, xử lý phản ánh kiến nghị của người dân, doanh nghiệp một cách kịp thời, chính xác.

- Đơn vị chủ trì: Văn phòng UBND tỉnh (Trung tâm Điều hành thông tin tỉnh);

- Đơn vị phối hợp: Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND cấp xã;

- Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

d) Tăng cường công tác bồi dưỡng, tập huấn, cập nhật kiến thức về kỹ năng số cho CBCCVN, trong đó tập trung ưu tiên đối với CBCCVN cấp xã; khuyến khích CBCCVN không ngừng học tập, nâng cao trình độ, tự bồi dưỡng, cập nhật kiến thức về kỹ năng số đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ được giao.

- Đơn vị chủ trì: Sở Nội vụ;

- Đơn vị phối hợp: Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã.

- Thời gian thực hiện: Hằng năm.

## **5. Đột phá về tài chính công và đảm bảo nguồn lực**

a) Tham mưu cân đối bố trí nguồn lực cho các nhiệm vụ chuyển đổi số gắn với cải cách hành chính phù hợp với khả năng ngân sách theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, bảo đảm tập trung, có trọng tâm, trọng điểm, không dàn trải; trong đó ưu tiên cho hạng mục phát triển hạ tầng, hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu số dùng chung của tỉnh và chuyên ngành, lĩnh vực quan trọng để bảo đảm thúc đẩy chuyển đổi số toàn diện ở các cấp chính quyền địa phương.

- Đơn vị chủ trì: Sở Tài chính;

- Đơn vị phối hợp: Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND cấp xã;

- Thời gian thực hiện: Định kỳ hằng năm (vào thời điểm lập dự toán ngân sách).

b) Đẩy mạnh chuyển đổi số trong quản lý tài chính, ngân sách và tài sản công; theo dõi, cập nhật đầy đủ, kịp thời dữ liệu tài sản công trên hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu dùng chung, bảo đảm đồng bộ, minh bạch, hiệu quả.

- Đơn vị chủ trì: Sở Tài chính;

- Đơn vị phối hợp: Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã;

- Thời gian hoàn thành: Hoàn thành số hóa dữ liệu tài sản công trong năm 2027; thực hiện cập nhật thường xuyên.

## **IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN**

1. Nguồn kinh phí thực hiện Kế hoạch này được bảo đảm từ ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành, lồng ghép trong các chương trình, đề án, dự án có liên quan và huy động các nguồn vốn hợp pháp khác.

2. Khuyến khích tăng cường xã hội hóa, thúc đẩy hợp tác công tư (PPP) trong đầu tư xây dựng hạ tầng, nền tảng và ứng dụng số.

## **V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

1. Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các xã, phường, đặc khu:

Căn cứ Kế hoạch này và chức năng, nhiệm vụ được giao, khẩn trương xây dựng kế hoạch chi tiết triển khai của cơ quan, đơn vị mình, hoàn thành trong Quý II năm 2026.

Chịu trách nhiệm toàn diện trước Chủ tịch UBND tỉnh về tiến độ, chất lượng và hiệu quả thực hiện các nhiệm vụ được giao.

Chủ động phối hợp chặt chẽ với các cơ quan liên quan để giải quyết các nhiệm vụ mang tính liên ngành.

2. Sở Nội vụ: Chủ trì, phối hợp theo dõi, đánh giá chỉ số cải cách hành chính (PAR Index), chỉ số hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS), chỉ số Hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI) gắn với kết quả thực hiện Nghị quyết 05-NQ/TU.

3. Sở Khoa học và Công nghệ: Chủ trì triển khai các hạ tầng số, nền tảng số và đánh giá Chỉ số chuyển đổi số (DTI). Đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng AI trong quản lý hành chính; Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu, đề xuất các giải pháp kỹ thuật, công nghệ để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện. Là đầu mối giúp UBND tỉnh theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc triển khai thực hiện Kế hoạch này.

4. Sở Tài chính: Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu UBND tỉnh cân đối, bố trí kinh phí trong khả năng ngân sách của tỉnh để triển khai hiệu quả các nhiệm vụ của Kế hoạch.

5. Công an tỉnh: Chủ trì, phối hợp đảm bảo an ninh, an toàn các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu; thúc đẩy khai thác hiệu quả cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư phục vụ chuyển đổi số gắn với cải cách hành chính tỉnh Quảng Trị.

Yêu cầu Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND cấp xã; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan nghiêm túc triển khai thực hiện Kế hoạch này./.

**Nơi nhận:**

- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các Phó CT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã;
- Chánh VP, Phó CVP UBND tỉnh
- Trung tâm: Phục vụ HCC tỉnh; Điều hành TT tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX. *Phụ*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Lê Hồng Vinh**



ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG TRỊ

Số: 1609 /QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Trị, ngày 22 tháng 5 năm 2026

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc phân bổ và giao bổ sung dự toán chi ngân sách năm 2026  
cho các cơ quan, đơn vị

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 3116/QĐ-UBND ngày 15/12/2025 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước, thu, chi ngân sách địa phương năm 2026;

Xét đề nghị của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Tờ trình số 2127/TTr-SVHTTDL ngày 15/5/2026 và Tờ trình số 2160/TTr-SVHTTDL ngày 19/5/2026; Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh tại Tờ trình số 04/TTr-TTXT ngày 18/5/2026; Báo và Phát thanh truyền hình tại Tờ trình số 517-CV/BPTTH ngày 19/5/2026;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 3757/TTr-STC ngày 20/5/2026.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phân bổ và giao bổ sung dự toán chi ngân sách tỉnh năm 2026, số tiền: **1.429.377.000 đồng** (Một tỷ bốn trăm hai mươi chín triệu ba trăm bảy mươi bảy nghìn đồng) để cấp bổ sung kinh phí cho các cơ quan, đơn vị thực hiện các nhiệm vụ, nội dung công việc cụ thể theo Phụ lục kèm theo.

### **Điều 2.** Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước khu vực XII và các cơ quan liên quan thực hiện cấp phát, giải ngân nguồn kinh phí kịp thời, đúng quy định. Sở Tài chính tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh báo cáo Thường trực HĐND tỉnh, HĐND tỉnh tại kỳ họp gần nhất theo quy định.



2. Các cơ quan, đơn vị được cấp kinh phí triển khai thực hiện và quản lý nguồn kinh phí đúng chế độ tài chính hiện hành; sử dụng, thanh toán, quyết toán nguồn kinh phí được cấp đúng quy định, mục đích và đối tượng được duyệt.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính; Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Giám đốc Kho bạc Nhà nước khu vực XII; Giám đốc Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh; Giám đốc Báo và Phát thanh truyền hình Quảng Trị; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH.

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Lê Hồng Vinh**

## PHỤ LỤC

(Kèm theo Quyết định số 1609 /QĐ-UBND ngày 22 tháng 5 năm 2026 của UBND tỉnh)

STT	Đơn vị	Nội dung	Số tiền (đồng)	Nguồn kinh phí
1	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Kinh phí thực hiện điều chỉnh Quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích quốc gia đặc biệt Đồi bờ Hiền Lương - Bến Hải, tỉnh Quảng Trị	785.377.000	Nguồn vốn quy hoạch; cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; kinh phí xác định chi phí hạ tầng các dự án; kinh phí thực hiện các thủ tục đấu giá quyền sử dụng đất,... thuộc dự toán ngân sách tỉnh năm 2026
2	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Kinh phí phối hợp tổ chức Diễn đàn vai trò của báo chí trong việc thúc đẩy ngành kinh tế du lịch tại Việt Nam năm 2026	175.000.000	Nguồn chi Chương trình du lịch thuộc dự toán ngân sách tỉnh năm 2026
3	Đoàn Nghệ thuật Truyền thống tỉnh		80.000.000	
4	Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh		360.000.000	
5	Báo và Phát thanh truyền hình Quảng Trị		29.000.000	
	<b>Tổng cộng</b>		<b>1.429.377.000</b>	

(Một tỷ bốn trăm hai mươi chín triệu ba trăm bảy mươi bảy nghìn đồng)

